

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 29 tháng 05 năm 2023

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Vùng 17, Xứ Đồng Bãi Yên Thái, Xã Tiền Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0927248183

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN TÀI TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078006916

Ngày cấp: 18/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Xóm 2 Đường Yên Thái, Xã Tiền Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 4, Ngõ 18, Đường Yên Thái, Xã Tiền Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0110356087

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 4, Ngõ 18, Đường Yên Thái, Xã Tiền Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 00004...Quyển số: 01-SCT/BS

Ngày: 01-07-2025



PHÓ CHỦ TỊCH
CAO VĂN TÂM



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trình Huy Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG ỨNG THỰC PHẨM AN TOÀN
Số: 050/ 2026 /HĐKT-RSTL

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu của các bên

Hôm nay, ngày 02 tháng 06 năm 2026 tại Hà Nội, hai bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH

Địa chỉ: Số 4 ,ngõ 18, đường Yên Thái, xã Sơn Đồng ,TP Hà Nội

MST: 0110356087

Điện thoại: 0932328586

Tài khoản:

Do ông: NGUYỄN TÀI TUẤN

Chức vụ: Giám Đốc Làm đại diện..

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH RAU SẠCH
THĂNG LONG**

Địa chỉ: Số 14 phố Nguyễn Văn Ngọc, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

MST: 0110405961

Điện thoại: 0989451413

Tài khoản:

Do ông: Mai Danh Hiệu

Chức vụ: Giám Đốc Làm đại diện.

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung chính

1. Bên A đồng ý ký Hợp đồng cung ứng các loại rau ăn lá, củ, quả đảm bảo VSATTP cho bên B.
- Thời gian: Từ 02/06/2026– 02/06/2027
 - Quy cách: Các loại rau, củ, quả được sơ chế đóng gói theo yêu cầu của bên B và đạt tiêu chuẩn kiểm định của cục VSATTP
 - Sản lượng và chủng loại: Do bên B thông báo định kỳ trước 15h hàng ngày. Các loại rau, củ, quả có thể thay đổi theo đề xuất của bên B để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của đơn hàng
 - Địa điểm giao hàng: tại địa điểm tập kết của bên B hoặc địa điểm do bên B đề xuất.
 - Đơn giá: Đơn giá cố định và được xác định trong mỗi thông báo định kỳ ngày 01 và 15 hàng tháng.



2. Bên B thanh toán cho bên A định kỳ 1 tháng /1 lần vào trước 17h00 ngày 10 hàng tháng.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt (tuân thủ theo quy định của nhà nước)

Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp

1. Thời gian giao hàng: theo thống nhất định kỳ giữa các bên.
2. Địa điểm giao, nhận hàng: tại địa điểm tập kết của bên B hoặc địa điểm do bên B đề xuất
3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận: do bên A đảm nhận.

Điều 4. Trách nhiệm bên B

- Lên nhu cầu và đảm bảo mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thực tế đã báo.
- Phối hợp với bên A tổ chức kiểm đếm theo kế hoạch giao nhận của bên A (căn cứ theo lịch điều phối của bên A).

Điều 5. Trách nhiệm bên A

- Bên A phải tuân thủ các qui trình cung ứng theo yêu cầu của bên B và phù hợp với khuyến cáo của ngành lương thực, thực phẩm.
- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng, đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.
- Cung cấp cho bên B các thông tin về quá trình giao nhận, địa điểm giao hàng v.v....

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

2. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Mai Danh Hiệu

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tài Tuấn





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HOÀI ĐỨC

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: Nguyễn Thị Thạo

Ngày sinh: 01 - 12 - 1976 Giới tính: Nữ

Nơi sinh: Tiền Yên - Hoài Đức

Nghề đào tạo: Kỹ thuật sản xuất rau an toàn

Khoá học từ tháng 05 / 2014 đến tháng 08 / 2014

Tốt nghiệp loại: Khá

Ngày: 01-07-2025

Hoài Đức, ngày 03 tháng 09 năm 2014

Người thực hiện chứng thực

GIÁM ĐỐC

Số hiệu chứng chỉ: 3359

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 3963

Ngày 03 tháng 09 năm 2014

HOÀNG ĐỨC LỰC

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC ATTP

Số: 009/2026/XNTHKT-TPS

1. Tên cơ sở xác nhận: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH**
2. Giấy đăng ký kinh doanh số: 0110356087, cấp ngày 18/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
3. Địa chỉ: Số 4, ngõ 18, đường Yên Thái, Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội
4. Điện thoại liên lạc: 0932328586

Xác nhận Công ty đã tổ chức tập huấn và xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho các ông (bà) có tên dưới đây là quản lý và nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm tại Công ty cụ thể như sau (Danh sách kèm theo):

Hà Nội ngày 01 Tháng 04 Năm 2026

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

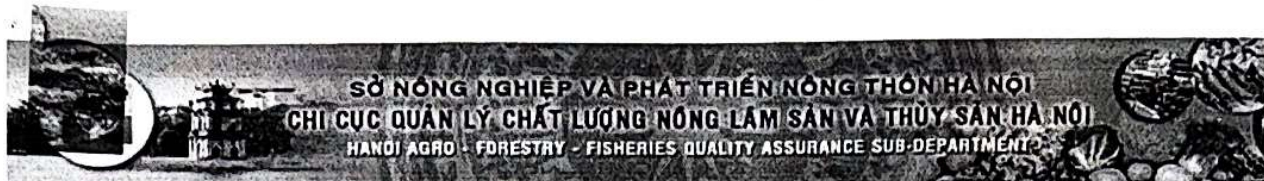
Nguyễn Tài Tuấn



Danh sách cán bộ, nhân viên được xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: 009/2026/XNTHKT-TPS)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/ thẻ căn cước	Ngày/tháng/năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Nơi cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
1	Nguyễn Tài Tuấn	X		001078006916	18.09.2015	Cục Cảnh Sát	Giám Đốc
2	Nguyễn Tài Vinh	X		001063024334	14.04.2021	Cục Cảnh Sát	NV Giao nhận
3	Nguyễn Thị Thạo		X	001176053901	10.07.2021	Cục Cảnh Sát	NV Sơ chế
4	Nguyễn Thị Sáu		X	001163003378	06.05.2015	Cục Cảnh Sát	NV Sơ Chế
5	Nguyễn Tài Hà	X		001065012874	28.03.2025	Cục Cảnh Sát	NV Giao nhận
6	Nguyễn Huy Vui	X		001065003042	24.04.2015	Cục Cảnh Sát	NV Giao nhận





HỆ THỐNG XÁC NHẬN KIẾN THỨC

Tên miền: <http://Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnls.hanoi.gov.vn>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Điểm XNKT		Kết quả
					KT chung	KT chuyên ngành	
1	Nguyễn Tài Tuấn	Nam	01/01/1978	001078006916	20/20	10/10	Đạt

Người tham gia kiểm tra tự đánh giá

NGUYỄN TÀI TUẤN



HỆ THỐNG XÁC NHẬN KIẾN THỨC

Tên miền: <http://Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnlists.hanoi.gov.vn>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Điểm XNKT		Kết quả
					KT chung	KT chuyên ngành	
1	Nguyễn Thị Sáu	Nữ	01/01/1963	1163003378	19/20	9/10	Đạt

Người tham gia kiểm tra tự đánh giá

Sáu

NGUYỄN THỊ SÁU



HỆ THỐNG XÁC NHẬN KIẾN THỨC

Tên miền: <http://Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnls.hanoi.gov.vn>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Điểm XNKT		Kết quả
					KT chung	KT chuyên ngành	
1	Nguyễn Tài Vinh	Nam	22/08/1963	001063024334	19/20	10/10	Đạt

Người tham gia kiểm tra tự đánh giá

NGUYỄN TÀI VINH



HỆ THỐNG XÁC NHẬN KIẾN THỨC

Tên miền: [http://: Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnls.hanoi.gov.vn](http://Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnls.hanoi.gov.vn)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Điểm XNKT		Kết quả
					KT chung	KT chuyên ngành	
1	Nguyễn Huy Vui	Nam	01/07/1965	001065003042	19/20	10/10	Đạt

Người tham gia kiểm tra tự đánh giá

NGUYỄN HUY VUI



HỆ THỐNG XÁC NHẬN KIẾN THỨC

Tên miền: [http://: Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnlsts.hanoi.gov.vn](http://Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnlsts.hanoi.gov.vn)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Điểm XNKT		Kết quả
					KT chung	KT chuyên ngành	
1	Nguyễn Tài Hà		01/05/1965	1065012874	20/20	10/10	Đạt

Người tham gia kiểm tra tự đánh giá

Tài Hà

NGUYỄN TÀI HÀ



HỆ THỐNG XÁC NHẬN KIẾN THỨC

Tên miền: [http://: Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnlsts.hanoi.gov.vn](http://Tracnghiemattp.chicucquanlychatluongnlsts.hanoi.gov.vn)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Điểm XNKT		Kết quả
					KT chung	KT chuyên ngành	
1	Nguyễn Thị Thạo	Nữ	01/12/1976	001076053901	19/20	9/10	Đạt

Người tham gia kiểm tra tự đánh giá

thạo

NGUYỄN THỊ THẠO

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4.48 TK Số lượng Bạch cầu: 6.5 G/L Số lượng tiểu cầu: 116 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 ThS.BS. Trần Văn Huệ
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe: D
- Các bệnh, tật (nếu có):

..... ngày 21 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



ThS.BS. Hồ Thị Phương Khôi



74790

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN
 SỞ Y TẾ HÀ NỘI
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC
 THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN
 BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ
 HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3212/GKSK/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



- Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN TÀI TUẤN
- Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
- Sinh Ngày 01 tháng 01 năm 1978 (Tuổi: 46)
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 00 10 78 000 916
- Cấp ngày 17/08/2021 Tại Cục Cảnh Sát
- Chỗ ở hiện tại: Xã Sơn Mỹ, Huyện Tân Mỹ

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phân HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 01 tháng 5 năm 2016

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Tiến



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 167 cm; - Cân nặng: 66 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 77 lần/phút; - Huyết áp: 130/87 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại	BS. Hoàng Chí	
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		

d)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	BS. Hoàng Chí	
	Phân loại		
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:		BS. Nguyễn Thị Ngọc	
- Ngoại khoa: BS			
2. Phân loại: I			
- Da liễu: BS			
Phân loại: I		BS. Bùi Hồng Sơn	
Sân phụ khoa:			
3. Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10. Mắt trái 10/10.			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): BS		BS. Hồ Thị Hồng Ninh	
Phân loại: I			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): BS		BS. Nguyễn Thế Mạnh	
Phân loại: I			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:			
Hàm trên:			
Hàm dưới:			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BS. Lê Đức Cường	
Phân loại: I			



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HOSPITAL HÀ NỘI

PHIẾU XÉT NGHIỆM
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

MS:
Số:
Mã BN: 22061511

Bệnh phẩm: Máu

Thời gian lấy mẫu/ thực hiện: 08:00 22/05/2026

Họ và tên: NGUYỄN TÀI TUẤN(KD)

Tuổi: 78 tuổi

Giới tính: Nam

Địa chỉ: Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội

Số thẻ BHYT:

Khoa/Phòng: PK Nội 02

Chẩn đoán:

STT	Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Tỷ số tham chiếu
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)			
	Số lượng bạch cầu(WBC)	6.5	G/L	3.5 – 10.0
	LYM%	26.9	%	15.0 – 45.0
	MID%	11.5	%	4.0 – 12.0
	GRAN%	61.6	%	40.0 – 75.0
	LYM#	1.7	G/L	1.0 – 4.1
	MID#	0.7	G/L	0.2 – 0.8
	GRAN#	4.1	G/L	1.6 – 7.0
	Số lượng hồng cầu(RBC)	4.48	T/L	3.8 – 6.0
	HGB	14.7	g/dL	11.5 – 17.0
	HCT	43.6	%	35.0 – 52.0
	MCV	97.2	fL	80.0 – 100.0
	MCH	32.9	pg	27.0 – 34.0
	MCHC	33.8	g/dL	32.0 – 35.0
	Số lượng tiểu cầu(PLT)	166	G/L	150 - 450
	RDW	12.9	%	11.0 – 17.0
	PDW	11.5	%	0.1 – 99.9
	MPV	9.2	fL	8.0 – 11.0
	P-LCR	22.8	%	15.0 – 40.0

Lưu ý:

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

Giờ: 08:04 Ngày 22 tháng 05 năm 2026
BÁC SĨ XÉT NGHIỆM

ThS.BS.Trần Trí Tuệ

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 ThS.BS. Trần Trí Cường
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
 2. Các bệnh, tật (nếu có):

..... ngày 21 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐÚ 18 TUỔI TRỞ LÊN
 SỞ Y TẾ HÀ NỘI
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32311/JGSK/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN XUÂN
 2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
 3. Sinh Ngày 01 tháng 02 năm 1961 (Tuổi: 55)
 4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/danh CD: 0010652022
 5. Cấp ngày 06/01/2016 Tại: B. Công An
 6. Chỗ ở hiện tại: Xã Sơn An, Huyện Thọ Xuân

Lưu ý: Người lớn đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: theo yêu cầu

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 21 tháng 5 năm 2020

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

gim



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 165 cm; - Cân nặng: 62 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: lần/phút; - Huyết áp: 110/80 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		BS. Hoàng Thảo Ly
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		

d)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại	BS. Hoàng Thảo Ly	
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:		BS. Nguyễn Thị Ngọc	
- Ngoại khoa:		BS. Bùi Hồng Vân	
2. Phân loại:			
- Da liễu:			
Phân loại:			
Sân phụ khoa:			
3. Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10. Mắt trái 10/10.....			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):		BS. Vũ Thị Hồng Minh	
Phân loại:			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		BS. Nguyễn Khắc Mạnh	
Phân loại:			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:		Hàm trên:	
		Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BS. Lê Đức Công	
Phân loại:			



DR. HAN HOSPITAL
Hàng Huy Vui (KD)
Số 1, Ngõ 10, Đường 10, Phường 10, Quận 10, TP. Hà Nội

PHIẾU XÉT NGHIỆM
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

MS:
Số:
Mã BN: 22061510

Bệnh phẩm: Máu

Thời gian lấy mẫu/ thực hiện: 08:00 22/05/2026
Họ và tên: NGUYỄN HUY VUI(KD)

Tuổi: 61 tuổi

Giới tính: Nam

Địa chỉ: Xã Sơn Đồng, Thành phố Hà Nội
Số thẻ BHYT:

Khoa/Phòng: PK Nội 02

Chẩn đoán:

STT	Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	TRƯỜNG ĐƠN VỊ
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm tổng trở)			
	Số lượng bạch cầu(WBC)	4.6	G/L	3.5 - 10.0
	LYM%	38.0	%	15.0 - 45.0
	MID%	9.9	%	4.0 - 12.0
	GRAN%	52.1	%	40.0 - 73.0
	LYM#	1.7	G/L	1.0 - 4.1
	MID#	0.4	G/L	0.2 - 0.8
	GRAN#	2.5	G/L	1.6 - 7.0
	Số lượng hồng cầu(RBC)	4.24	T/L	3.8 - 6.0
	HGB	12.6	g/dL	11.5 - 17.0
	HCT	37.6	%	35.0 - 52.0
	MCV	88.7	fL	80.0 - 100.0
	MCH	29.7	pg	27.0 - 34.0
	MCHC	33.4	g/dL	32.0 - 35.0
	Số lượng tiểu cầu(PLT)	231	G/L	150 - 450
	RDW	11.4	%	11.0 - 17.0
	PDW	9.8	%	0.1 - 99.9
	MPV	8.0	fL	8.0 - 11.0
	P-LCR	15.7	%	15.0 - 40.0

Lưu ý:

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

Giờ: 08:05 Ngày 22 tháng 05 năm 2026
BÁC SĨ XÉT NGHIỆM


ThSBS. Trần Trí Tuệ

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Ure: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 Ths.BS. Trần Tri Cuê
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
.....
2. Các bệnh, tật (nếu có):
.....

...H/V... ngày 21 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ths.BS. Hồ Thị Phương Thảo



MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN
SỞ Y TẾ HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ HÀ NỘI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30721/GKSK/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ...**NGUYỄN VĂN HÀ**...
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày 21 tháng 05 năm 1965 (Tuổi: 59)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: ...**061065011819**...
5. Cấp ngày 21/05/2024 Tại: ...**Bệnh Viện Hữu Nghị Quốc Tế Hà Nội**...
6. Chỗ ở hiện tại: ...**16/ Cầu Giấy - Hà Nội**...

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

HIV ngày 01 tháng 5 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hu
Nguyễn Văn Tài



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 169 cm; - Cân nặng: 62 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 77 lần/phút; - Huyết áp: 129/80 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn		
Phân loại		
b) Hô hấp		
Phân loại		
c) Tiêu hóa		
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu		
Phân loại		

BS. Hoàng Khắc Ty

d)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại		
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:		BS. Nguyễn Thị Ngọc	
- Ngoại khoa: BT			
2.	Phân loại: I		
- Da liễu: BT			
Phân loại: I		BS. Bùi Hồng Sơn	
Sân phụ khoa:			
3.	Phân loại:		
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/40. Mắt trái 10/40...			
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:			
Các bệnh về mắt (nếu có): BT		BS. Võ Thị Hồng Ninh	
Phân loại: I			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10 m			
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10 m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): BT		BS. Nguyễn Thế Mạnh	
Phân loại: I			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:		Hàm trên:	
		Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BS. Lê Đức Long	
Phân loại: I			



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ HÀ NỘI

PHIẾU XÉT NGHIỆM
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

MS:
Số:
Mã BN: 22061514

Thời gian lấy mẫu/ thực hiện: 08:02 22/05/2026
Bệnh phẩm: Máu

Họ và tên: NGUYỄN TÀI HÀ(KD)
Tuổi: 61 tuổi

Giới tính: Nam

Địa chỉ: Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội

Số thẻ BHYT:

Khoa/Phòng: PK Nội 02

Chẩn đoán:

STT	Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	MT số bình thường
1	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC			
	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)			
	Số lượng bạch cầu(WBC)	6.8	G/L	3.5 - 10.0
	LYM%	49.7	%	15.0 - 45.0
	MID%	11.8	%	4.0 - 12.0
	GRAN%	38.5	%	40.0 - 73.0
	LYM#	3.4	G/L	1.0 - 4.1
	MID#	0.8	G/L	0.2 - 0.8
	GRAN#	2.6	G/L	1.6 - 7.0
	Số lượng hồng cầu(RBC)	4.85	T/L	3.8 - 6.0
	HGB	14.8	g/dL	11.5 - 17.0
	HCT	45.3	%	35.0 - 52.0
	MCV	93.4	fL	80.0 - 100.0
	MCH	30.6	pg	27.0 - 34.0
	MCHC	32.8	g/dL	32.0 - 35.0
	Số lượng tiểu cầu(PLT)	186	G/L	150 - 450
	RDW	12.4	%	11.0 - 17.0
	PDW	10.2	%	0.1 - 99.9
	MPV	8.7	fL	8.0 - 11.0
	P-LCR	18.8	%	15.0 - 40.0

Lưu ý:

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

Giờ: 08:04 Ngày 22 tháng 05 năm 2026
BÁC SĨ XÉT NGHIỆM

THS.BS.Trần Trí Tuệ

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 59 TL Số lượng Bạch cầu: 5.0 /mm ³ Số lượng tiểu cầu: 163 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 ThS.BS. <u>Trần Trí Huệ</u>
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: I
2. Các bệnh, tật (nếu có):

..... ngày 21 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



ThS.BS. Trần Trí Huệ



MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN
 SỞ Y TẾ HÀ NỘI
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN
 BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ
 HÀ NỘI

Số: 777 /GKSK/26



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN LINH
 Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
 Sinh Ngày 22 tháng 03 năm 1983 (Tuổi: 41)
 Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001063.029.559
 Cấp ngày 30/12/2023 Tại Cục Cảnh Sát
 Chỗ ở hiện tại: Xã Đa Đông, Huyện Đa Đông, Hà Nội

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 21 tháng 5 năm 2016

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Tài Công



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 164 cm; - Cân nặng: 60 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 115/80 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa			
a) Tuần hoàn			
Phân loại			
b) Hô hấp			
Phân loại			
c) Tiêu hóa			
Phân loại			BS. Hoàng Thái Ly
d) Thận-Tiết niệu			
Phân loại			

d) Nội tiết		
Phân loại		
e) Cơ - xương - khớp		
Phân loại		BS. Hoàng Thái Ly
g) Thần kinh	BT / I	
Phân loại		
h) Tâm thần		
Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: BT		
2. Phân loại: I		
- Da liễu: BT		
Phân loại: I		
Sân phụ khoa:		
3. Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10, Mắt trái 9/10		
Có kính: Mắt phải, Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có): BT		
Phân loại: I		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường m; Nói thầm m		
Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): BT		
Phân loại: I		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		
Hàm trên: BT		
Hàm dưới: BT		
BS. Lê Đức Công		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại: I		



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
O.R. HAN HOSPITAL HÀ NỘI
CƠ SỞ Y HỌC HỮU NGHỊ QUỐC TẾ HÀ NỘI

PHIẾU XÉT NGHIỆM
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

MS:
Số:
Mã BN: 22061513

Bệnh phẩm: Máu

Tuổi: 63 tuổi

Giới tính: Nam

Thời gian lấy mẫu/ thực hiện: 08.01.22/05/2026

Họ và tên: NGUYỄN TÀI VINH(KD)

Địa chỉ: Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội

Số thẻ BHYT:

Khoa/Phòng: PK Nội 02

Chẩn đoán:

STT	Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Tỉ số Dunn thường
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm tổng trở)			
	Số lượng bạch cầu(WBC)	5.0	G/L	3.5 - 10.0
	LYM%	36.6	%	15.0 - 45.0
	MID%	14.2	%	4.0 - 12.0
	GRAN%	49.2	%	40.0 - 73.0
	LYM#	1.8	G/L	1.0 - 4.1
	MID#	0.7	G/L	0.2 - 0.8
	GRAN#	2.5	G/L	1.6 - 7.0
	Số lượng hồng cầu(RBC)	4.90	T/L	3.8 - 6.0
	HGB	15.5	g/dL	11.5 - 17.0
	HCT	48.1	%	35.0 - 52.0
	MCV	98.2	fL	80.0 - 100.0
	MCH	31.6	pg	27.0 - 34.0
	MCHC	32.2	g/dL	32.0 - 35.0
	Số lượng tiểu cầu(PLT)	163	G/L	150 - 450
	RDW	12.9	%	11.0 - 17.0
	PDW	9.1	%	0.1 - 99.9
	MPV	7.5	fL	8.0 - 11.0
	P-LCR	10.9	%	15.0 - 40.0

Lưu ý:

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

Giờ: 08:04 Ngày 22 tháng 05 năm 2026
BÁC SĨ XÉT NGHIỆM

ThS.BS.Trần Trí Tuệ

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: / 4.85 T/L Số lượng Bạch cầu: / 6.9 U/L Số lượng tiểu cầu: / 150 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 ThS.BS. Trần Trí Cường
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: I
2. Các bệnh, tật (nếu có):

..... ngày 31 tháng 5 năm 2026.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



ThS.BS. Ngô Thị Phương Thảo

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN
 SỞ Y TẾ HÀ NỘI
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC
 THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN
 BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ
 HÀ NỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 307/K /GKSK/26



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN THỊ THẢO
 Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
 Sinh Ngày 01 tháng 12 năm 1976 (Tuổi: 49)
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/dịnh danh CD: 001176055371
 Cấp ngày 10/11/2027 Tại: Công an xã
 Chỗ ở hiện tại: Xã Sơn Đông, Huyện Tân Yên

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): Sinh trước 1 con

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

H/V. ngày 21 tháng 5 năm 2016
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

thạo
Nguyễn Thị Thạo



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 1.68 cm; - Cân nặng: 45 kg; - Chỉ số BMI: 16.0

- Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		BS. Hoàng Châu Ty
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		

d)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại		
g)	Thần kinh	BS. Hoàng Châu Ty	
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:			
	- Ngoại khoa: BS		BS. Nguyễn Thị Ngọc
2.	Phân loại: I		
	- Da liễu: BS		
	Phân loại: I		BS. Bùi Hồng Tiến
Sân phụ khoa:			
3.	Phân loại: I		BS. Hồ Thị Hương Thảo
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10			
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:			
Các bệnh về mắt (nếu có): BS			BS. Lê Thị Hồng Nến
Phân loại: I			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 10 m			
Tai phải: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 10 m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): BS			BS. Nguyễn Thế Mạnh
Phân loại: I			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:			
Hàm trên:			
Hàm dưới: BS			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			BS. Lê Đức Cường
Phân loại: I			



**PHIẾU XÉT NGHIỆM
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC**

MS:
Số:
Mã BN: 22061512

Bệnh phẩm: Máu

Thời gian lấy mẫu/ thực hiện: 08:09 22/05/2026

Tuổi: 50 tuổi

Giới tính: Nữ

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THAO(KD)

Địa chỉ: Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội

Số thẻ BHYT:

Khoa/Phòng: PK Nội 02

Chẩn đoán:

STT	Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Trị số bình thường
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)			
	Số lượng bạch cầu(WBC)	6.1	G/L	3.5 - 10.0
	LYM%	46.8	%	15.0 - 45.0
	MID%	7.5	%	4.0 - 12.0
	GRAN%	45.7	%	40.0 - 73.0
	LYM#	3.0	G/L	1.0 - 4.1
	MID#	0.4	G/L	0.2 - 0.8
	GRAN#	2.7	G/L	1.6 - 7.0
	Số lượng hồng cầu(RBC)	4.89	T/L	3.8 - 6.0
	HGB	15.1	g/dL	11.5 - 17.0
	HCT	45.7	%	35.0 - 52.0
	MCV	93.4	fL	80.0 - 100.0
	MCH	30.8	pg	27.0 - 34.0
	MCHC	33.0	g/dL	32.0 - 35.0
	Số lượng tiểu cầu(PLT)	150	G/L	150 - 450
	RDW	12.2	%	11.0 - 17.0
	PDW	10.0	%	0.1 - 99.9
	MPV	8.4	fL	8.0 - 11.0
	P-LCR	16.5	%	15.0 - 40.0

Lưu ý:

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

Giờ: 08:09 Ngày 22 tháng 05 năm 2026
BÁC SĨ XÉT NGHIỆM


TMS.BS.Trần Trí Tuệ

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 415 T/L Số lượng Bạch cầu: 4.5 G/L Số lượng tiểu cầu: 223 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 ThS.BS. Trần Thị Huệ
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe: I
- Các bệnh, tật (nếu có):

H.N.L. ngày 21 tháng 5 năm 2024
NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN
 SỞ Y TẾ HÀ NỘI
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN
 BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ QUỐC TẾ HÀ NỘI
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32722/GKSK/26



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ SƠN
 2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
 3. Sinh Ngày.... tháng.... năm..... (Tuổi/1983)
 4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CP: 001163.006378
 5. Cấp ngày 6/11/2011 Tại Cục Quản lý Sức Khỏe
 6. Chỗ ở hiện tại: Vũ Sơn Tây - Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): Sinh thường 2 con

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

HIV ngày 21 tháng 5 năm 2014

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 150 cm; - Cân nặng: 47 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 75 lần/phút; - Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa	<u>BT/I</u>	BS. Hoàng Châu Py
	Phân loại		
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		

d)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp		BS. Hoàng Châu Py
	Phân loại		
g)	Thần kinh	<u>BT</u>	<u>I</u>
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:			BS. Nguyễn Thị. Vy.
	- Ngoại khoa:	<u>BT</u>	
2.	Phân loại:	<u>I</u>	
	- Da liễu:	<u>BT</u>	
	Phân loại:	<u>I</u>	BS. Bùi Hồng Sơn
Sân phụ khoa:			
3.	Phân loại:	<u>I</u>	BS. Nguyễn Thị. Phương Thảo
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải <u>10/10</u> . Mắt trái <u>9/10</u>			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): <u>BT</u>			TS BS. Vũ Thị Hồng Nhoi
Phân loại: <u>I</u>			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): <u>BT</u>			BS. Nguyễn Thế. Mạnh
Phân loại: <u>I</u>			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám: Hàm trên:			
Hàm dưới:			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			BS. Lê Tài Cường
Phân loại: <u>I</u>			



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
DR. HAN HOSPITAL HÀ NỘI
KHOA NỘI KHOA QUỐC TẾ HÀ NỘI

PHIẾU XÉT NGHIỆM
XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

MS:
Số:
Mã BN: 22061515

Bệnh phẩm: Máu

Thời gian lấy mẫu/ thực hiện: 08:03 22/05/2026

Tuổi: 63 tuổi

Giới tính: Nữ

Họ và tên: NGUYỄN THỊ SÁU (KD)

Địa chỉ: Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội

Số thẻ BHYT:

Khoa/Phòng: PK Nội 02

Chẩn đoán:

STT	Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Thang số tham chiếu
1	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC			
	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng tự động)			
	Số lượng bạch cầu (WBC)	4.5	G/L	3.5 - 10.0
	LYM%	38.7	%	15.0 - 45.0
	MID%	13.4	%	4.0 - 12.0
	GRAN%	47.9	%	40.0 - 73.0
	LYM#	1.7	G/L	1.0 - 4.1
	MID#	0.6	G/L	0.2 - 0.8
	GRAN#	2.2	G/L	1.6 - 7.0
	Số lượng hồng cầu (RBC)	4.15	T/L	3.8 - 6.0
	HGB	12.4	g/dL	11.5 - 17.0
	HCT	37.0	%	35.0 - 52.0
	MCV	89.2	fL	80.0 - 100.0
	MCH	30.0	pg	27.0 - 34.0
	MCHC	33.6	g/dL	32.0 - 35.0
	Số lượng tiểu cầu (PLT)	224	G/L	150 - 450
	RDW	11.5	%	11.0 - 17.0
	PDW	9.7	%	0.1 - 99.9
	MPV	8.2	fL	8.0 - 11.0
	P-LCR	13.7	%	15.0 - 40.0

Lưu ý:

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

Giờ: 08:03 Ngày 22 tháng 05 năm 2026

BÁC SĨ XÉT NGHIỆM

ThS.BS. Trần Trí Tuệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ *Establishment*: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH – CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH.**

Mã số đăng ký kinh doanh/ *Registration number*: **0110356087-00001**

Địa chỉ/ *Address*: **Vùng 17, Xứ Đồng Bãi Yên Thái, Xã Sơn Đồng, Thành phố Hà Nội.**

Điện thoại/ *Tel*: **0932328586** *Email*:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:
*Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:*

- 1. Sơ chế: rau, củ;**
- 2. Kinh doanh: Thịt gia súc, gia cầm, trứng gia cầm, thủy sản đã qua sơ chế, đậu phụ, trái cây, gia vị, rau, củ, nông sản khô (nấm hương, gạo, hạt sen, lạc, đỗ)/.**

Số cấp/ *Number*: **270./ 2026** /NNMT-HAN

Có hiệu lực đến ngày **04 tháng 8 năm 2029**

Valid until (date/mont/year) **04/8/2029**

Và thay thế giấy chứng nhận số:
and replaces The Certificate N^o:

Hà Nội, ngày **04 tháng 8 năm 2026**, *day/month/year*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Văn Tường



Mã số/ Code: DV152010888/08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
Address
3. Tên mẫu thử/ : Cà Chua (TPS-MR-06)
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 11/07/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 11/07/2026-23/07/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 23/07/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
2	Cadimi (Cd) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
3	E. coli *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
4	Salmonella spp. *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận VIMCERTS đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/07



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
- Địa chỉ/
Address : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Mướp (TPS-MR-05)
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 11/07/2026
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 11/07/2026-23/07/2026
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 23/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
2	Cadimi (Cd) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
Address
3. Tên mẫu thử/ : Quả đậu (TPS-MR-04)
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 11/07/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 11/07/2026-23/07/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 23/07/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
2	Cadimi (Cd) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
Address
3. Tên mẫu thử/ : Hành (TPS-MR-03)
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 11/07/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 11/07/2026-23/07/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 23/07/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
2	Cadimi (Cd) *	mg/kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2016

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI



VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
- Địa chỉ/
Address : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Rau cải (TPS-MR-02)
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 11/07/2026
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 11/07/2026-23/07/2026
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 23/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/kg	< LOQ = 0,03	TCVN 10912:2016
2	Cadimi (Cd) *	mg/kg	0,09	TCVN 10912:2016

Ghi chú/ Note:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
Address
3. Tên mẫu thử/ : Rau muống (TPS-MR-01)
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 11/07/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 11/07/2026-23/07/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 23/07/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
2	Cadimi (Cd) *	mg/kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2016

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
- Địa chỉ/
Address : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Nước (TPS-MN-01)
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu đựng trong chai nhựa, nắp kín. Thể tích: 500mL/chai. Số lượng: 01 chai
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 11/07/2026
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 11/07/2026-23/07/2026
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 23/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3113B:2023
2	Cadimi (Cd) *	mg/L	KPH (LOD = 0,0002)	SMEWW 3113B:2023
3	E. coli	MPN/100mL	< 2	SMEWW 9221F:2023

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV152010888/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM SẠCH
- Địa chỉ/
Address : Xã Sơn Đồng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Đất (TPS-MĐ-01)
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi. Số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 11/07/2026
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 11/07/2026-23/07/2026
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 23/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Cadimi (Cd) *	mg/kg	0,09	US EPA Method 3050B TCVN 6496:2009
2	Chì (Pb) *	mg/kg	< LOQ = 20	US EPA Method 3050B TCVN 6496:2009

Ghi chú/ Note:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.